TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST Ngày 27-9-2023 V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Hồng Hiệp

Ông Nguyễn Thanh Rực

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Thu Trân-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Hồng Thủy-Kiểm sát viên.

Ngày 27-9-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 99/2023/TLST-HNGĐ ngày 19-7-2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23-8-2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lý Quách T, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Kim Thị L, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lý Quách T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2005, ông T và bà L sống chung với nhau đến năm 2011 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời kỳ hôn nhân ông bà chung sống hạnh phúc với nhau, nhưng về sau đến khoảng tháng 10/2018 thì bắt đầu phát sinh nhiều mẫu thuẫn vì

tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng ông bà không còn quan tâm chăm sống lẫn nhau, ông bà đã ly thân từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông T và bà L có 02 người con chung là cháu Lý Thị Bích T (nữ, sinh ngày 06-4-2006) và cháu Lý Minh D (nam, sinh ngày 31-10-2015) hiện đang sống chung với ông T và do ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, ông T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thảo và cháu Duy đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là bà Kim Thị L đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, bà Kim Thị L đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì trở ngại khách quan hay sự kiện bất khả kháng nên căn cứ Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Kim Thị L.

[2]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Lý Quách T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Kim Thị L có nơi cư trú tại xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng và được quyền nuôi con khi ly hôn nên quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Đối với bị đơn là bà Kim Thị L sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà L nhưng bà không có kiến gì hay gửi văn bản cho Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên họp và phiên hòa giải nên điều này cho thấy bị đơn đã tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như trình bày ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ Khoản 2, Khoản 4 Điều 91; Điều 93; Điều 95 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là có giá trị dùng làm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà L kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và tại thời điểm kết hôn ông T và bà L đủ điều kiện kết hôn, không vi phạm điều cấm kết hôn. Vì vậy, hôn nhân giữa ông T và bà L là hợp pháp theo quy định tại Điều Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Trong thời gian đầu chung sống, thì ông T và bà L sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm chăm sống lẫn nhau, không còn tình cảm vợ chồng, ông bà hiện nay đã ly thân. Do đó, ông T và bà L đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, không sống chung với nhau như vợ chồng, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc hàng ngày trong gia đình theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014.

Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà L đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[5]. Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông T và bà L có 02 người con chung là cháu Lý Thị Bích T (nữ, sinh ngày 06-4-2006) và cháu Lý Minh D (nam, sinh ngày 31-10-2015) hiện đang sống chung với ông T và do ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, ông T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu D đến tuổi trường thành và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, do cháu T và cháu D từ khi sinh ra cho đến hiện nay đều do ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, các cháu đang sống ổn định, được đảm bảo về mọi mặt. Do đó, nhằm ổn định sự phát triển cũng như đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 tiếp tục giao cháu T và cháu D cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (18 tuổi) là phù hợp, cũng như theo nguyện vọng của hai cháu. Ngoài ra, do ông T hiện nay có công việc thu nhập ổn định có thể tự nuôi dưỡng các con và tự nguyện không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bà Kim Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T trình bày là không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về trình tự tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lý Quách T được ly hôn với bà Kim Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lý Thị Bích T (nữ, sinh ngày 06-4-2006) và cháu Lý Minh D (nam, sinh ngày 31-10-2015)cho ông Lý Quách T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống mình. Bà Kim Thị L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Kim Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lý Quách T tự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Lý Quách T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010022 ngày 18-7-2023 của Chi cục T hành án Dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên ông Lý Quách T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ

thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được T hành theo quy định tại Điều 2 của Luật T hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014), thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật T hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật T hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã T, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bảo Quốc